| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN HIỆP**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **33**/2019/HNGĐST
Ngày 17-6-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Minh Đạo**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi -** Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

***- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Luyến**

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2018/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST–HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Hà Hoàng K** – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Lâm T** – sinh năm 1972 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hà Hoàng K trình bày:***

Anh và chị Trần Thị Lâm T chung sống với nhau vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/11/2002. Vợ chồng có tổ

chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng không có tìm hiểu nhau trước, do mai mối rồi tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình khó khăn, cộng thêm tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt, dẫn đến vợ chồng lục đục, hay cự cãi, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2015 đến nay.

- Về quan hệ con chung: Anh K xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

1. Hà Thị Thùy D – sinh năm 1998

2. Hà Thị Thúy V – sinh ngày 20/3/2003

Cháu D đã trưởng thành, còn cháu V đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa, anh K yêu cầu:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh K yêu cầu được ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Anh K xin giao cháu Hà Thị Thúy V cho chị T nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Riêng cháu Hà Thị Thùy D hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Do bị đơn chị Trần Thị Lâm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên chị T không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy dịnh của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn

bản tố tụng hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Hoàng K.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao cháu Hà Thị Thúy V – sinh ngày 20/3/2003 cho chị Trần Thị Lâm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của anh Hà Hoàng K về việc cấp dưỡng nuôi cháu Hà Thị Thúy V 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Đối với người con là Hà Thị Thùy D - sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***- Về thủ tục tố tụng:*** Yêu cầu khởi kiện của anh Hà Hoàng K được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Chị Trần Thị Lâm T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Lâm T vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh Hà Hoàng K yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Lâm T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Trần Thị Lâm T.

***Xét yêu cầu xin ly hôn và giao con cho chị Trần Thị Lâm T nuôi dưỡng của anh Hà Hoàng K, Hội đồng xét xử nhận định:***

**[1]** *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy anh Hà Hoàng K và chị Trần Thị Lâm T chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 270, quyển số 02 (29/10/2000), ngày 04/11/2002 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Hoàng K:* Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh K và chị T chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình khó khăn, cộng thêm tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt, dẫn đến vợ chồng lục đục, hay cự cãi. Mặt khác, anh K và chị T đã ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2015 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì thế, việc anh K yêu cầu được ly hôn với chị T là có cơ sở chấp nhận.

**[2]** *Về quan hệ con chung:* Xét thấy, do cháu Hà Thị Thúy V – sinh ngày 20/3/2003 hiện đang sống chung với chị Trần Thị Lâm T và đã đi khỏi địa phương nên không thể tiến hành tiếp xúc và ghi nhận nguyện vọng của cháu V được. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay cháu V đang được chị T nuôi dưỡng, thiết nghĩ không nên làm xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu V. Do vậy, yêu cầu giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng của anh K là có căn cứ.

Nếu sau này chị Trần Thị Lâm T có yêu cầu thay đổi quyền nuôi con thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Đối với người con là Hà Thị Thùy D – sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Ghi nhận sự tự nguyện của Hà Hoàng K về việc cấp dưỡng nuôi cháu Hà Thị Thúy V 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

**[3]** *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Hà Hoàng K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

**[4]** Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh Hà Hoàng K:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hà Hoàng K được ly hôn với chị Trần Thị Lâm T.

*Về quan hệ con chung:* Tiếp tục giao cháu Hà Thị Thúy V – sinh ngày 20/3/2003 cho chị Trần Thị Lâm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Hà Hoàng K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hà Thị Thúy V 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Đối với người con là Hà Thị Thùy D – sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

***- Về án phí:***

*+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Anh Hà Hoàng K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*+ Án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:* Anh Hà Hoàng K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

***Xử:*** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Hoàng K

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh Hà Hoàng K ly hôn với chị Trần Thị Lâm T.

**2. Về quan hệ con chung:** Tiếp tục giao cháu Hà Thị Thúy V – sinh ngày 20/3/2003 cho chị Trần Thị Lâm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Hà Hoàng K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hà Thị Thúy V 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Hà Thị Thúy V đủ 18 tuổi.

Anh Hà Hoàng K được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về án phí:**

**- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Anh Hà Hoàng K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng),

**- Án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:** Anh Hà Hoàng K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng),

Tổng cộng, anh Hà Hoàng K phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005279 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh Hà Hoàng K còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Trần Thị Lâm T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạo**